

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

VŨ DIỆU NGÂN

**THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI
(FDI) VÀO KHU CÔNG NGHỆ CAO ĐÀ NẴNG**

Chuyên ngành: Kinh tế phát triển

Mã số : 60.31.05

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

Đà Nẵng – Năm 2014

Công trình được hoàn thành tại

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: TS. Trương Sĩ Quý

Phản biện 1: TS. Nguyễn Trung Kiên

Phản biện 2: PGS. TS. Phạm Thanh Khiết

Luận văn đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế họp tại Đại Học Đà Nẵng vào ngày 22 tháng 10 năm 2014.

Có thể tìm hiểu Luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin-Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh Tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Đà Nẵng đang trong quá trình đẩy nhanh công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức tiến tới đưa Đà Nẵng trở thành thành phố công nghiệp trước năm 2020. Khu công nghệ cao Đà Nẵng ra đời cũng nằm trong mục đích đó. Để phát triển được ngành công nghệ cao đòi hỏi phải có một lượng vốn không hề nhỏ và hoàn toàn vượt quá tầm của khả năng đầu tư trong nước. Vì vậy việc thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài là điều tất yếu khách quan. Thực tế, ngay sau khi được thành lập, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao đã tích cực chủ động triển khai công tác xúc tiến đầu tư tuy nhiên việc thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài trong thời gian qua vẫn còn tồn tại một số hạn chế nhất định, kết quả thu hút vẫn chưa thể tương xứng với nhu cầu cũng như tiềm năng của nó.

Để khai thác được tiềm năng và phát triển ngành công nghệ cao nói chung và Khu Công nghệ cao thành phố Đà Nẵng nói riêng, việc nghiên cứu đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài là việc hết sức cần thiết. Chính vì lẽ đó mà tôi chọn đề tài “Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào Khu Công nghệ cao Đà Nẵng” cho luận văn tốt nghiệp cao học ngành Kinh tế Phát triển của mình.

2. Mục tiêu nghiên cứu

(1) Nghiên cứu, phân tích hệ thống cả về lý luận và thực tiễn các vấn đề liên quan đến hoạt động thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI).

(2) Đánh giá tình hình thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Khu Công nghệ cao Đà Nẵng.

(3) Đề xuất các giải pháp chủ yếu nhằm thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào Khu Công nghệ cao Đà Nẵng trong thời gian đến.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Những vấn đề kinh tế và quản lý về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Khu Công nghệ cao Đà Nẵng

Phạm vi nghiên cứu:

+ Về không gian: Khả năng đầu tư vào Khu công nghệ cao Đà Nẵng

+ Về thời gian: đề xuất trong luận văn có ý nghĩa đến năm 2020.

4. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp thu thập tài liệu:

- Phương pháp phân tích thống kê:

- Phương pháp so sánh, đối chiếu:

5. Bố cục đề tài

Chương 1: Cơ sở lý luận về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào khu công nghệ cao Đà Nẵng

Chương 2: Thực trạng thu hút vốn đầu tư FDI vào khu công nghệ cao Đà Nẵng

Chương 3: Một số giải pháp nhằm tăng cường thu hút vốn FDI vào khu công nghệ cao Đà Nẵng

6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

Do tầm quan trọng của môi trường đầu tư đối với hoạt động đầu tư (trong đó có đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI) nên đã có nhiều tác giả, nhiều công trình nghiên cứu dưới các góc độ, khía cạnh khác nhau.

* Các công trình nghiên cứu về đầu tư trực tiếp nước ngoài:

1. PGS.TS Nguyễn Bích Đạt (2006), *Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội. Công trình này đã làm rõ nhiều vấn đề lý luận về khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Trên cơ sở thực trạng đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, các tác giả đã đánh giá những thành tựu, hạn chế và nguyên nhân của đầu tư nước ngoài tại Việt Nam trong những năm qua. Trên cơ sở lý luận và thực tiễn ấy, các tác giả đưa ra quan điểm, định hướng và giải pháp cho vấn đề đầu tư nước ngoài ở Việt Nam những năm tới.

2. Trần Xuân Tùng (2005), *Đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam Thực trạng và giải pháp*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội. Trong công trình nghiên cứu, tác giả đã khảo sát thực trạng đầu tư nước ngoài và phân tích nó với các loại hình đầu tư, chủ đầu tư, lĩnh vực đầu tư... Từ đó, tác giả đề xuất giải pháp thu hút đầu tư nước ngoài mạnh mẽ hơn nữa. Tuy nhiên, trong công trình này, tác giả chưa đề xuất giải pháp thu hút và quản lý hoạt động đầu tư ở từng vùng kinh tế mà chỉ đề xuất những giải pháp chung nhất trên phạm vi toàn quốc.

3. TS. Vũ Thành Tự Anh (2006), “Xé rào ưu đãi đầu tư”, Tạp chí Thời báo Kinh tế Sài Gòn. Bài viết đưa ra nhận định việc các tỉnh đua nhau trong thu hút đầu tư sẽ dẫn đến tổng lợi ích xã hội bị giảm. Tác giả chỉ rõ những ưu đãi đầu tư mà các tỉnh đưa ra chỉ là nhất thời, trong khi cơ hội kinh doanh và những điều kiện cần thiết để biến những cơ hội thuận lợi như môi trường thể chế, sự thân thiện... mới là những yếu tố quan trọng quyết định thành công trong dài hạn. Tác giả cũng khẳng định nhà đầu tư cũng chính là kênh quảng bá hiệu quả nhất. Trong bài viết này tác giả cũng đưa ra những khuyến nghị để các tỉnh có thể từ đó mà chủ động cải thiện để có thể thu hút được đầu tư. Tuy nhiên, bài viết

vẫn còn thiếu những đề xuất về chính sách thu hút đầu tư đối với Chính phủ, đặc biệt là những chính sách cho các địa phương kém thuận lợi.

4. GS.TS Dương Thị Bình Minh – Ths Nguyễn Thanh Thủy (7/2009), “Cải thiện môi trường đầu tư thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) ở một số nước châu Á và các bài học kinh nghiệm cho Thành phố Hồ Chí Minh”, Tạp chí Phát triển kinh tế (225), tr.23-25. Trong bài viết này, các tác giả đã tổng hợp kinh nghiệm thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài từ một số nước châu Á, và nghiên cứu vận dụng phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam nói chung và Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng. Tuy nhiên, bài viết chủ yếu là đánh giá rút bài học chưa thể đưa ra được nhiều giải pháp hay, đột phá nhằm thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài.

9. Luận án tiến sĩ kinh tế: “Những giải pháp nhằm phát triển các khu công nghệ và khu chế xuất tại thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2010” tác giả Nguyễn Quyết Chiến (Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh - 2003). Trong nghiên cứu này tác giả này nghiên cứu những vấn đề chung về khu công nghiệp, khu chế xuất, tình hình hoạt động đầu tư vào phát triển các khu công nghiệp, khu chế xuất thành phố Hồ Chí Minh, qua đó đề xuất những giải pháp nhằm thu hút đầu tư phát triển khu công nghiệp của thành phố Hồ Chí Minh.

Các công trình nghiên cứu này đã đề cập khá rõ về đầu tư trực tiếp nước ngoài và gắn liền với những vấn đề khác nhau, khía cạnh khác nhau về môi trường đầu tư và đầu tư trực tiếp nước ngoài. Tuy vậy, những nghiên cứu về môi trường đầu tư và ảnh hưởng của nó đến thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại các khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao như Khu Công nghệ cao Đà Nẵng ở các nghiên cứu này là hầu như chưa rõ nét hoặc chưa được

đề cập nhiều. Đi sâu hơn vào nghiên cứu đầu tư FDI vào các khu công nghiệp thì có thể kể đến một số công trình đã được công bố như:

1. Sách: “Phát triển các KCN, KCX trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá” của Nguyễn Chơn Trung và Trương Giang Long (Nxb Chính trị quốc gia – năm 2004). Nghiên cứu đã trình bày một số vấn đề về sự hình thành và phát triển các KCN, KCX; phân tích thực trạng phát triển KCN, KCX ở các tỉnh phía Nam; từ đó đưa ra những giải pháp phát triển các KCN, KCX.

2. Sách: “Hướng dẫn đầu tư vào các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao ở Việt Nam” của Nguyễn Mạnh Đức, Lê Quang Anh (Nxb Thống kê -2000). Cuốn sách này đã làm rõ được một số lý luận về khu công nghiệp và các thủ tục hướng dẫn, các thủ tục đầu tư vào các khu công nghiệp nói chung. Tuy nhiên, trong sách chỉ trình bày những vấn đề cơ bản chưa đi nghiên cứu đến công tác thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp, khu công nghệ cao.

3. Luận án tiến sĩ kinh tế: “Hoàn thiện công tác xúc tiến đầu tư nhằm phát triển các khu công nghiệp ở Việt Nam” - tác giả Nguyễn Thị Thu Hương (Đại học Kinh tế Quốc dân - 2004). Tác giả đã nghiên cứu quá trình hình thành và phát triển các khu công nghiệp, làm rõ tác động của hoạt động xúc tiến đầu tư đến việc thu hút đầu tư phát triển các khu công nghiệp. Qua đó, đề ra các giải pháp hoàn thiện công tác xúc tiến đầu tư của Việt Nam nói chung.

6. Bài trích: “Phát triển các KCN, KCX ở các tỉnh phía Bắc - Những vấn đề lý luận và thực tiễn” (Kỷ yếu hội thảo khoa học, Thanh Hoá, tháng 6/2004).

7. Bài trích: “15 năm xây dựng và phát triển các KCN, KCX ở Việt Nam (1991-2006)” (Kỷ yếu hội nghị - hội thảo quốc gia, Long An, tháng 7/2006).

Các tác giả hệ thống hóa những lý luận về khu công nghiệp, khu chế xuất, tình hình phát triển của các khu công nghiệp, khu chế xuất của Việt Nam nói chung, qua đó đánh giá những thành tựu đã đạt được và những hạn chế trong quá trình phát triển các khu công nghiệp, khu chế xuất nói riêng.

8. *Nghiên cứu những giải pháp phát triển các KCN ở Việt Nam trong những điều kiện hiện nay* của GS.TS. Võ Thanh Thu (Chủ nhiệm đề tài) (2005), đã tổng kết được thực tiễn phát triển và quản lý KCN giai đoạn 1991 – 2003; đánh giá các tác động của các KCN đối với công cuộc CNH-HĐH đất nước; đánh giá mô hình hoạt động và tính hiệu quả hoạt động của các KCN. Từ đó nghiên cứu đã đề xuất giải pháp phát triển bền vững KCN trong quá trình CNH-HĐH và tăng cường hội nhập quốc tế của Việt Nam.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI (FDI) VÀO KHU CÔNG NGHỆ CAO ĐÀ NẴNG

1.1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ VỐN ĐẦU TƯ VÀ VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI (FDI)

1.1.1. Vốn đầu tư

Theo Luật đầu tư (2005) thì “*Vốn đầu tư là tiền và các tài sản hợp pháp khác để thực hiện các hoạt động đầu tư theo hình thức đầu tư trực tiếp hoặc gián tiếp*”

1.1.2. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)

a. Khái niệm và đặc điểm

Hiện nay có nhiều công trình nghiên cứu nêu định nghĩa FDI theo nhiều cách tiếp cận khác nhau như UNCTAD, OECD...

- Theo Luật đầu tư (2005) của nước ta, tuy chưa đề cập rõ khái niệm FDI nhưng có thể khái quát *FDI là việc các tổ chức, cá nhân nước ngoài, nhà đầu tư nước ngoài trực tiếp đưa vào Việt Nam vốn bằng tiền hoặc bất kỳ tài sản nào để tiến hành các hoạt động đầu tư theo quy định của luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.*

Đặc điểm:

- Gắn liền với việc di chuyển tiền và tài sản giữa các quốc gia
- Chủ yếu là hoạt động đầu tư của tư nhân nhằm mục tiêu hàng đầu là lợi nhuận
- Chủ sở hữu còn giữ quyền sử dụng với vốn đầu tư
- Chủ yếu do các công ty xuyên quốc gia thực hiện

b. Các hình thức đầu tư vốn trực tiếp nước ngoài

Xét theo mục đích đầu tư FDI được phân thành 2 loại: đầu tư theo chiều ngang và đầu tư theo chiều dọc.

Xét về hình thức sở hữu, đầu tư trực tiếp nước ngoài thường có các hình thức sau: Hình thức doanh nghiệp liên doanh, Doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài, Hình thức hợp tác kinh doanh trên cơ sở hợp đồng hợp tác kinh doanh.

1.1.3. Ý nghĩa và vai trò của vốn FDI

a. Bổ sung nguồn vốn trong nước

b. Tiếp thu công nghệ và bí quyết quản lý

c. Tham gia mạng lưới sản xuất toàn cầu

d. Tăng số lượng việc làm và đào tạo nhân công

e. Làm tăng nguồn thu ngân sách

f. Vai trò của FDI

1.2. KHU CÔNG NGHỆ CAO

1.2.1. Khái niệm khu công nghệ cao

Theo Luật Công nghệ cao thì *Khu công nghệ cao là nơi tập trung, liên kết hoạt động nghiên cứu và phát triển, ứng dụng công nghệ cao; ương tạo công nghệ cao, ương tạo doanh nghiệp công nghệ cao; đào tạo nhân lực công nghệ cao; sản xuất và kinh doanh sản phẩm công nghệ cao, cung ứng dịch vụ công nghệ cao.*

1.2.2. Sự cần thiết hình thành các khu công nghệ cao

Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học và công nghệ, đặc biệt của công nghệ cao trên thế giới trong những thập kỷ vừa qua đã đạt được những thành tựu hết sức to lớn, làm cho công nghệ cao trở thành động lực, một trong những yếu tố và điều kiện chủ yếu bảo đảm tốc độ và chất lượng cao cho sự phát triển kinh tế - xã hội của các nước trong khu vực và trên toàn thế giới, nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế và chất lượng cuộc sống của nhân dân ở mỗi quốc gia.

Đảng và Nhà nước ta cũng đã và đang dành sự quan tâm ngày càng nhiều cho sự phát triển khoa học và công nghệ, coi phát triển khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu; đồng thời đặc biệt chú trọng việc ứng dụng, nghiên cứu và phát triển công nghệ cao.

1.3. NỘI DUNG THU HÚT FDI VÀO KHU CÔNG NGHỆ CAO

1.3.1. Gia tăng số lượng dự án đầu tư lấp đầy diện tích khu CNC

1.3.2. Gia tăng quy mô vốn đầu tư của từng dự án

1.3.3. Nâng cao ý nghĩa tác động của vốn đầu tư khu

CNC đến các mặt đời sống kinh tế - xã hội của địa phương

1.3.4. Các hoạt động để thu hút FDI

1.3.5. Hoạt động marketing trong thu hút FDI

1.4. NHỮNG NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN THU HÚT VỐN FDI VÀO KHU CÔNG NGHỆ CAO

1.4.1. Môi trường kinh tế, chính trị - xã hội

Nền kinh tế phát triển và ổn định là một trong những yếu tố quan trọng tạo nên năng lực cạnh tranh của một nước hoặc một địa phương. Nó giúp các nhà đầu tư giảm thiểu được những rủi ro nằm ngoài tầm kiểm soát khi triển khai hoạt động FDI.

Sự ổn định về chính trị - xã hội là những yếu tố tác động tích cực đến tâm lý và lợi nhuận kỳ vọng của các nhà đầu tư vì họ an tâm là tài sản và lợi ích từ hoạt động đầu tư của họ được đảm bảo trong dài hạn

1.4.2. Cơ chế chính sách và thủ tục hành chính

Hệ thống pháp luật, cơ chế chính sách công bằng, minh bạch, đồng bộ, ổn định và hiệu năng thực thi là những yếu tố quan trọng luôn được các nhà đầu tư xem xét, cân nhắc khi quyết định bỏ vốn đầu tư vào quốc gia. Bên cạnh đó, các chính sách ưu đãi đầu tư hợp lý cũng góp phần giúp doanh nghiệp đầu tư nước ngoài giảm chi phí đầu tư kinh doanh, nhất là trong giai đoạn đầu mới thành lập.

1.4.3. Kết cấu hạ tầng kỹ thuật - xã hội

Sự phát triển của hạ tầng kinh tế - xã hội của một quốc gia và địa phương – nơi tiếp nhận đầu tư luôn là điều kiện hàng đầu để các chủ đầu tư có thể nhanh chóng thông qua các quyết định và triển khai thực tế các dự án đầu tư đã cam kết.

Cơ sở hạ tầng yếu kém, thiếu đồng bộ sẽ làm gia tăng chi phí và mức độ rủi ro của các nhà đầu tư FDI.

1.4.4. Nguồn nhân lực

Đội ngũ nhân lực có kỹ thuật cao là điều kiện hàng đầu để một nước và địa phương vượt qua được những hạn chế về tài nguyên thiên nhiên và trở nên hấp dẫn các nhà ĐTNN. Việc thiếu các nhân lực kỹ thuật lành nghề, các nhà lãnh đạo, quản lý cao cấp, các nhà doanh nghiệp tài ba và sự lạc hậu về trình độ khoa học công nghệ trong nước sẽ khó lòng đáp ứng được các yêu cầu của nhà đầu tư, làm chậm và thu hẹp lại dòng vốn nước ngoài chảy vào trong nước và địa phương.

1.4.5. Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên

Những nhân tố về điều kiện tự nhiên có tác động nhất định đến khả năng sinh lời hay tạo ra rủi ro kinh doanh đối với các nhà đầu tư nước ngoài. Trong đó vị trí địa lý và nguồn tài nguyên là những nhân tố quan trọng nhất.

1.5. KINH NGHIỆM THU HÚT VỐN FDI VÀO CÁC CÔNG NGHỆ CAO

1.5.1. Kinh nghiệm từ các địa phương trên thế giới

a. Kinh nghiệm của Khu CNC Tân Trúc (Hsinchu, Đài Loan)

b. Kinh nghiệm của đặc khu kinh tế Thâm Quyển của Trung Quốc

1.5.2. Kinh nghiệm của một số tỉnh trong nước

a. Kinh nghiệm thu hút vốn đầu tư cho Khu công nghệ cao Hòa Lạc

b. Kinh nghiệm thu hút vốn đầu tư cho khu công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh

1.5.3. Bài học cho Đà Nẵng

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ FDI VÀO KHU CÔNG NGHỆ CAO ĐÀ NẴNG

2.1. TỔNG QUAN VỀ KHU CÔNG NGHỆ CAO ĐÀ NẴNG

2.1.1. Khái quát về Khu Công nghệ cao Đà Nẵng

Khu Công nghệ cao (KCNC) Đà Nẵng được thành lập theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 1979/QĐ-TTg và 1980/QĐ-TTg ngày 28/10/2010. Đây là KCNC đa chức năng thứ ba của cả nước được thành lập sau KCNC Hòa Lạc – Hà Nội và KCNC thành phố Hồ Chí Minh. KCNC Đà Nẵng có diện tích 1010 ha, được xây dựng tại xã Hòa Liên, huyện Hòa Vang, nằm trên tuyến đường cao tốc Đà Nẵng – Dung Quất, nối liền các Khu kinh tế trọng điểm miền Trung; cách trung tâm thành phố 22 km, cách Cảng Tiên Sa 25 km, cách Sân bay Quốc tế Đà Nẵng 17 km. Tổng mức đầu tư vào khoảng 8.841.148.000.000 đồng

2.1.2. Quy hoạch phát triển

Kể từ khi thành lập đến nay, thành phố đã tập trung vào công tác giải phóng mặt bằng, lập Quy hoạch tổng thể, Quy hoạch chi tiết KCNC và lập Dự án Đầu tư xây dựng KCNC; thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư đối với các hạng mục công trình và dự án cơ sở hạ tầng KCNC. Tháng 8/2012 đã khởi công hạng mục san nền.

Với mục tiêu nhanh chóng hình thành và đưa KCNC Đà Nẵng đi vào hoạt động, thành phố đã xác định mục tiêu giai đoạn 2012 – 2015 là tập trung mọi nguồn vốn để xây dựng hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng về giao thông, điện, nước, xử lý nước thải, hạ tầng viễn thông và công nghệ thông tin phục vụ thu hút đầu tư vào KCNC giai đoạn I (diện tích: 328ha). Định hướng thu hút vốn đầu tư vào các

ngành có công nghệ cao bao gồm: Công nghệ sinh học phục vụ nông nghiệp, thủy sản và y tế; Công nghệ vi điện tử, cơ điện tử và quang điện tử; Công nghệ tự động hóa và cơ khí chính xác; Công nghệ vật liệu mới, năng lượng mới; Công nghệ thông tin, truyền thông và công nghệ phần mềm tin học; Công nghệ phục vụ hóa dầu và một số công nghệ đặc biệt khác.

2.1.3. Bộ máy tổ chức hoạt động của Khu Công nghệ cao Đà Nẵng

a. Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Đà Nẵng

Ban Quản lý KCNC (BQL KCNC) được thành lập theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 1979/QĐ-TTg và 1980/QĐ-TTg ngày 28/10/2010. Với các nhiệm vụ chính như: lập quy hoạch, kế hoạch phát triển, cơ chế chính sách..., tổ chức kiểm tra thực hiện các văn bản, chính sách, kế hoạch; chỉ đạo, tổ chức thực hiện các dự án đầu tư bằng nguồn ngân sách; quản lý sử dụng đất đai, quản lý đầu tư, xây dựng và khai thác cơ sở hạ tầng...

b. Giải quyết thủ tục đầu tư vào Khu Công nghệ cao Đà Nẵng

- Thủ tục một cửa, tại chỗ được thực hiện tốt ở khâu cấp phép đầu tư

2.2. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG ẢNH HƯỞNG ĐẾN THU HÚT VỐN FDI VÀO KHU CÔNG NGHỆ CAO ĐÀ NẴNG

2.2.1. Điều kiện tự nhiên

2.2.2. Điều kiện kinh tế

2.2.3. Điều kiện xã hội

2.2.4. Hệ thống cơ sở hạ tầng

2.3. KẾT QUẢ THU HÚT VỐN FDI VÀO KHU CÔNG NGHỆ CAO ĐÀ NẴNG

2.3.1. Vốn đầu tư tổng quan qua các năm

Tháng 10/2012, Khu công nghệ cao đã thu hút được nhà đầu tư đầu tiên Tokyo Keiki với dự án Tokyo Keiki Precision-Technology, tổng vốn đầu tư 40 triệu USD, tương đương 840 tỷ đồng.

Tháng 7/2013, đã cấp chứng nhận đầu tư cho Công ty Niwa Foundry Co., Ltd. (Nhật Bản) và Dai Niwa cùng thực hiện dự án Niwa Foundry Việt Nam với tổng vốn đầu tư 21,87 triệu USD

2.3.2. Vốn đầu tư theo lĩnh vực đầu tư

Hiện tại, mới chỉ thu hút được 2 dự án đầu tư. Cả hai dự án đều nằm vào lĩnh vực sản xuất các sản phẩm có công nghệ cao, cơ khí chính xác. Các lĩnh vực khác hiện vẫn chưa thu hút được đầu tư.

2.3.3. Vốn đầu tư theo đối tác

Cả hai dự án đều là của Nhật Bản.

2.4. HOẠT ĐỘNG THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ VÀO KHU CÔNG NGHỆ CAO ĐÀ NẴNG

2.4.1. Công tác quy hoạch, định hướng phát triển Khu công nghệ cao

Theo quy hoạch ban đầu, TP Đà Nẵng đang hướng đến xây dựng KCN công nghệ cao trở thành một trung tâm phát triển, nghiên cứu và chế tạo các sản phẩm công nghệ cao hàng đầu tại Việt Nam, đủ khả năng thực hiện và hỗ trợ các lĩnh vực công nghệ cao. Đã định hướng được các lĩnh vực thu hút đầu tư cũng như các dự án cần kêu gọi đầu tư.

2.4.2. Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phát triển Khu công nghệ cao

Đến 20/6/2013 đã giải tỏa và bàn giao được 93% diện tích, các thiết kế về hạ tầng điện chiếu sáng, cấp nước đều đã được hoàn thiện và được UBND thành phố phê duyệt. Hệ thống nền đã được san 71,2% với tổng giá trị đầu tư là 72 tỷ đồng, đường trung tâm đã được thi công 41% với tổng đầu tư 18 tỷ đồng. Các hạ tầng khác vẫn còn đang trong quá trình lên thiết kế hoặc chờ phê duyệt.

2.4.3. Công tác xúc tiến đầu tư

Đã xây dựng các công cụ, phương tiện phục vụ công tác xúc tiến đầu tư như xuất bản brochure, tập sách về chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư, xây dựng và đưa website khu công nghệ cao Đà Nẵng vào hoạt động từ tháng 11/2012.

Chủ động gặp gỡ, tiếp xúc với các nhà đầu tư trong và ngoài nước nhằm giới thiệu, quảng bá về khu công nghệ cao. Thiết lập quan hệ hợp tác với Sở Ngoại vụ, Trung tâm xúc tiến đầu tư miền Trung và Trung tâm xúc tiến đầu tư Đà Nẵng. Tổ chức các đoàn đi xúc tiến đầu tư tại Mỹ, Nhật, Hàn Quốc. Kết quả có hơn 20 công ty đến tìm hiểu đầu tư.

2.4.4. Các chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư

Các chính sách ưu đãi đầu tư bao gồm: miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất; ưu đãi về giá cho thuê đất; tiền sử dụng hạ tầng, tiền xử lý nước thải; thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các chính sách hỗ trợ đầu tư bao gồm: Cung ứng dịch vụ một cửa; xuất nhập cảnh, cư trú; thu hút nhân lực công nghệ cao; hỗ

trợ vay vốn, tài trợ; hỗ trợ thủ tục thành lập doanh nghiệp và phát triển các hoạt động công nghệ cao.

2.4.5. Công tác cải cách hành chính trong thu hút đầu tư

Quy trình giải quyết thủ tục hành chính theo ISO và Quy chế tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa tại ban quản lý đang được triển khai xây dựng. Đã tiến hành đưa liên kết khảo sát dịch vụ công trực tuyến lên hệ thống website. Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin hiện cũng đang được xây dựng

2.5. NHỮNG THÀNH CÔNG, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN TRONG THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ VÀO KHU CÔNG NGHỆ CAO ĐÀ NẴNG TRONG THỜI GIAN QUA

2.5.1. Những thành công

Mặc dù còn gặp nhiều khó khăn, tuy nhiên Khu công nghệ cao vẫn thu hút được 2 dự án đầu tư với ngành nghề phù hợp với định hướng đã đề ra. Công tác quản lý nhà nước về đầu tư vào khu công nghệ cao cũng đã dần hoàn thiện, đi vào ổn định. Đã có nhiều đối tác biết đến khu công nghệ cao qua các đợt xúc tiến, quảng bá cụ thể đã có khoảng 20 đơn vị đến tìm hiểu về đầu tư tại khu công nghệ cao.

2.5.2. Những hạn chế

- Số lượng dự án thu được chưa nhiều
- Hiệu quả của công tác xúc tiến đầu tư chưa cao

2.5.3. Nguyên nhân

- Khó khăn về vốn xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật và xã hội
- Nguồn nhân lực tuy dồi dào nhưng chất lượng chuyên môn, tay nghề còn hạn chế
- Các ngành công nghiệp hỗ trợ hầu như chưa có

- Ban quản lý còn thiếu kinh nghiệm.

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM TĂNG CƯỜNG THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀO KHU CÔNG NGHỆ CAO ĐÀ NẴNG

3.1. NHỮNG CĂN CỨ CHO VIỆC XÂY DỰNG GIẢI PHÁP

3.1.1. Phân tích môi trường thu hút đầu tư

- Xu hướng vận động của FDI thế giới: khủng hoảng kinh tế khiến dòng vốn FDI đi vào các nước trên toàn cầu giảm, tình trạng thoái vốn ngày càng xảy ra thường xuyên. Các nước mạnh về đầu tư FDI thì hiện cũng đang nỗ lực để kéo nguồn vốn này quay về đầu tư trên chính nước mình. Và hiện các nước thuộc thị trường mới nổi đang là điểm đến của FDI.

- Xu hướng vận động của FDI Việt Nam: sau khi Việt Nam gia nhập WTO, dòng vốn FDI chảy vào Việt Nam với tốc độ mạnh mẽ. Tính từ năm 2007 đến 2009, Việt Nam đã thu hút được 4.098 dự án với tổng vốn đăng ký 114,15 tỷ USD. Tuy nhiên đến năm 2000, nguồn vốn này quay đầu giảm mạnh chỉ còn 173 dự án. Xu hướng giảm tiếp tục kéo dài cho đến năm 2012. Nhiều nhà máy của doanh nghiệp FDI đã phải đóng cửa hoặc di chuyển sang các nước khác trong khu vực như Sony, Toshiba... Trong thời gian đến, xuất hiện xu hướng các nhà đầu tư Nhật Bản và Hàn Quốc muốn chuyển vốn đầu tư sang các nước khác, trong đó có Việt Nam.

- Môi trường đầu tư trong nước: gặp nhiều khó khăn do khủng hoảng kinh tế, chi phí sản xuất và lạm phát tăng cao. Công nghiệp hỗ trợ chưa phát triển và thiếu chính sách ưu đãi nhất quán

cho doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực. Cải cách hành chính chưa đem lại kết quả như mong muốn.

- Môi trường đầu tư của Đà Nẵng:

Đà Nẵng là một thị trường đầy tiềm năng dọc tuyến Hành lang kinh tế Đông - Tây, sông Mê Kông. Ngoài ra, qua cảng Đà Nẵng, các doanh nghiệp có thể hướng tới những thị trường lớn hơn như Đông Á, Châu Âu hay Châu Mỹ... Nếu xét về nguồn nhân lực phục vụ những dự án công nghệ trong tương lai, Đà Nẵng có những trường đại học lớn, đủ khả năng cung cấp một lượng lớn cán bộ kỹ thuật sau này. Tuy nhiên thị trường trao đổi, mua bán các kết quả nghiên cứu, sản phẩm công nghệ cao chưa phát triển. Chưa có Quỹ đầu tư mạo hiểm.

- Các đối thủ cạnh tranh: 2 khu công nghệ cao ở hai đầu đất nước. Hai đối thủ này có lợi thế lớn so với khu công nghệ cao Đà Nẵng là cả hai khu công nghệ cao này nằm ở hai cực có trình độ phát triển cao nhất của cả nước, có nhiều điều kiện để phát triển công nghệ cao. Hơn nữa, cả hai đều đã phát triển trước khu công nghệ cao Đà Nẵng một thời gian nên tên tuổi trên thị trường của họ đã được nhiều nhà đầu tư biết đến. Tuy nhiên, hai đối thủ này cũng đang vấp phải một số khó khăn chính trong quá trình thu hút đầu tư. Đối với khu công nghệ cao Hòa Lạc, hiện tại công tác giải phóng mặt bằng còn nhiều hạn chế, điều kiện giao thông hạn chế, hệ thống hạ tầng dịch vụ còn thiếu thốn mặc dù chỉ cách trung tâm thành phố khoảng 40km. Đối với khu công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, mặc dù có trình độ phát triển cao hơn, tuy nhiên chất lượng và số lượng nhân lực công nghệ cao ở đây còn bất cập, trình độ tay nghề thấp, hiệu quả huy động nguồn lực còn hạn chế.

- Nhu cầu và xu hướng của các nhà đầu tư: Hiện nay các nhà đầu tư đang có xu hướng đầu tư vào các địa điểm đã có cơ sở hạ tầng hoàn thiện, có vị trí địa lý thuận tiện kèm theo đó là việc tích hợp những điều kiện về môi trường sống lý tưởng cho nhà đầu tư khi đến đầu tư. Nguồn nhân lực cũng là một yếu tố đang rất được các nhà đầu tư coi trọng, không chỉ về số lượng mà còn ở chất lượng và tính bền vững.

3.1.2. Phân tích khả năng thu hút đầu tư của Khu công nghệ cao

a. Điểm mạnh

b. Điểm yếu

c. Cơ hội

d. Thách thức

3.1.3. Quan điểm và mục tiêu phát triển Khu công nghệ cao của thành phố

- Trong giai đoạn ngắn hạn (2010-2015), cần tập trung hoàn thiện cơ sở hạ tầng, phát triển năng lực nghiên cứu và đào tạo trên nền tảng hiện có của một số cơ sở đang tồn tại. Bắt đầu xây dựng một số cơ sở hạ tầng và nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ mới trong mức độ khả thi, như Đại học Quốc tế mới đang được quy hoạch tại khuôn viên của Khu CNC Đà Nẵng...

- Trong giai đoạn trung hạn (2015-2020), bắt đầu triển khai việc xây dựng các cơ sở ươm tạo CNC, và doanh nghiệp CNC tại địa điểm mới của Khu đã được xác định ở ngoại vi thành phố.

- Ở quy mô dài hạn (sau 2020), có thể mở rộng và hoàn chỉnh các cơ sở nghiên cứu, đào tạo, ươm tạo CNC và doanh nghiệp

CNC trong cả Khu CNC mới và các cơ sở vệ tinh trước đó đã tồn tại trong thành phố.

- Cần phát triển và khai thác tốt các mạng lưới liên kết. Trước hết, là liên kết với một số khu CNC ở nước ngoài (Singapore, Đài Loan, Nhật, Mỹ...) theo hướng đặt cơ sở của họ tại Khu CNC Đà Nẵng.

- Liên kết hợp tác chia sẻ nguồn lực và xây dựng các hướng ưu tiên với các khu CNC khác và các trung tâm nghiên cứu - đào tạo trong nước

- Lựa chọn một số đối tác chiến lược hoặc nhà đầu tư lớn (chủ đạo) để làm đầu tàu lôi kéo các nhà đầu tư khác.

3.1.4. Nhu cầu vốn đầu tư vào Khu công nghệ cao Đà Nẵng đến 2020

Tổng vốn đầu tư: 8.841.148.000.000 đ. Trong đó: vốn ngân sách trung ương: 3.142,690 tỷ đồng, vốn ngân sách địa phương: 1.607,926 tỷ đồng, vốn khác: 4.090,533 tỷ đồng.

Trong giai đoạn 1, triển khai từ 2013-2017, tổng diện tích đưa vào khai thác sẽ là 131 ha, tổng vốn đầu tư ước khoảng 82 triệu usd.

3.1.5. Mục tiêu thu hút vốn FDI vào Khu công nghệ cao Đà Nẵng đến 2020

- Tập trung thu hút các dự án sản xuất công nghệ cao, các dự án xây dựng hạ tầng xã hội, dân sinh trong khu công nghệ cao, các dự án xây dựng cơ sở đào tạo, cơ sở nghiên cứu khoa học và công nghệ, các dự án thuộc lĩnh vực dịch vụ.

- Tập trung nguồn vốn cần thiết để thực hiện công tác thu hút đầu tư. Có gắng thu hút ít nhất 05 dự án đầu tư trong giai đoạn 2012 – 2015.

- Chuẩn bị điều kiện cần thiết để thu hút đầu tư trong giai đoạn sau 2015.

3.1.6. Các nhà đầu tư mục tiêu mà Khu Công nghệ cao Đà Nẵng tập trung thu hút

- Phân theo vị trí địa lý: Các nhà đầu tư đến từ Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore. Cần nhắc phối hợp với một số đối tác châu Âu như Pháp, Thụy Điển - Đan Mạch hoặc Vương quốc Anh

- Phân theo quy mô: tập trung thu hút các tập đoàn quốc tế lớn như IBM, Intel...

- Phân theo ngành ưu tiên: trước mắt thu hút các nhà đầu tư xây dựng hạ tầng, đồng thời thu hút các doanh nghiệp Công nghệ thông tin, truyền thông và công nghệ phần mềm tin học là lĩnh vực Đà Nẵng có thế mạnh, tiếp sau đó là các doanh nghiệp thuộc các ngành ưu tiên thu hút đầu tư như quy hoạch.

- Xây dựng hình ảnh một khu công nghệ cao với cơ sở hạ tầng hoàn thiện, cơ chế linh hoạt, có lợi thế về nguồn lao động dồi dào, có trình độ cao và có tính ổn định.

3.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ FDI VÀO KHU CÔNG NGHỆ CAO ĐÀ NẴNG ĐẾN NĂM 2020

3.2.1. Tạo môi trường thuận lợi cho kinh doanh của các nhà đầu tư

- Về cơ sở hạ tầng: Huy động mọi nguồn lực để đầu tư thực hiện quy hoạch, xây dựng hạ tầng đồng bộ.

- Về thủ tục: Hoàn thiện quy trình thủ tục liên quan đến đầu tư vào khu công nghệ cao mang tính ổn định theo hướng dài hạn. Nâng cao chất lượng giải quyết hồ sơ theo cơ chế một cửa tại các cơ quan có liên quan. Triển khai quy trình tư vấn, hướng dẫn và giải

quyết thủ tục cấp phép FDI và cấp giấy đăng ký kinh doanh trực tuyến thông qua website ban quản lý.

+ Hỗ trợ nhà đầu tư tìm hiểu và thực hiện các quy định của pháp luật đăng ký kinh doanh, thủ tục đầu tư vào KCNC, thuế, hải quan...; hỗ trợ nhà đầu tư tìm hiểu thông tin về địa điểm thực hiện dự án, lĩnh vực và ngành nghề ưu tiên, khuyến khích đầu tư vào KCNC.

+ Công khai chính sách ưu đãi đầu tư và quy trình, trình tự thực hiện thủ tục, hồ sơ.

+ Triển khai dịch vụ công phục vụ doanh nghiệp, nhà đầu tư

+ Thường xuyên nâng cao chất lượng chuyên môn, đạo đức công vụ của cán bộ, công chức trong BQL.

- Phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ cho công nghiệp công nghệ cao.

3.2.2. Khuyến khích và hỗ trợ các nhà đầu tư FDI

- Đưa ra các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư hợp lý, mềm dẻo và có tính ổn định cao. Tiếp tục áp dụng có hiệu quả các chính sách ưu đãi đầu tư ở mức cao nhất mà Chính phủ đã cho phép. Đề nghị với Chính phủ những ưu đãi khác.

- Nghiên cứu đề xuất ban hành những chính sách ưu đãi FDI mang tính đặc thù và khuyến khích mạnh hơn cho các dự án lớn.

- Đồng hành hỗ trợ nhà đầu tư

- Thiết lập kênh đối thoại, phản hồi thông tin

- Chăm sóc các nhà đầu tư chu đáo

- Tạo Quỹ đầu tư mạo hiểm nhằm hỗ trợ cho các nhà đầu tư trong việc thành lập và phát triển các dự án đầu tư.

- Theo dõi, nghiên cứu, học tập kinh nghiệm thu hút đầu tư để đề xuất những chính sách ưu đãi, hỗ trợ hấp dẫn hơn.

- Xây dựng tiêu chí ưu tiên lựa chọn nhà đầu tư, dự án đầu tư
- Tạo điều kiện cho nhà đầu tư tiếp cận tín dụng

3.2.3. Xác định và khai thác các trung gian trong thu hút FDI

- VCCI, Trung tâm xúc tiến đầu tư
- Các phòng công nghiệp và thương mại của các nước
- Các hiệp hội
- Các tổ chức phát triển quốc tế như JETRO, JICA, KOTRA...

3.2.4. Tăng cường công tác xúc tiến đầu tư, quảng bá hình ảnh

a. Với các nhà đầu tư

Hoàn thiện bộ công cụ phục vụ xúc tiến đầu tư như website, ấn phẩm giới thiệu bằng các thứ tiếng: Anh, Nhật, Hàn Quốc, Trung Quốc. Tổ chức tuyên truyền, quảng bá về môi trường đầu tư, chính sách đầu tư dưới nhiều hình thức. Hỗ trợ nhà đầu tư tìm hiểu các thông tin, thủ tục cũng như thực hiện thủ tục. Xây dựng tiêu chí ưu tiên lựa chọn nhà đầu tư. Chủ động tìm kiếm nhà đầu tư tiềm năng. Công tác vận động, xúc tiến phải làm nổi bật hình ảnh của KCNC. Nâng cao chất lượng các ấn phẩm tuyên truyền, tài liệu quảng bá. Cập nhật trang thông tin điện tử...

Với các tổ chức trung gian: Tạo mối liên hệ trao đổi thông tin với các bộ, ngành trung ương. Phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng xúc tiến cho cán bộ. Định kỳ tổ chức thu thập ý kiến của nhà đầu tư về chủ trương, chính sách thu hút. Chủ động xây dựng chương trình xúc tiến đầu tư nước ngoài để tham gia vào Chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia. Tăng cường mối liên kết giữa ban quản lý với Trung tâm xúc tiến đầu tư, Văn phòng đại diện của Đà Nẵng tại Nhật Bản... trong giới thiệu, quảng

bá và xúc tiến đầu tư. Thiết lập quan hệ và liên kết trao đổi thông tin với các tổ chức, cơ quan có chức năng xúc tiến đầu tư.

3.2.5. Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực trong ngành công nghệ cao

- Liên kết với các trường đại học nước ngoài đào tạo các chuyên ngành công nghệ cao. Tăng cường chính sách thu hút các chuyên gia đầu ngành trong lĩnh vực công nghệ cao.

3.3. NHỮNG KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

3.3.1. Kiến nghị đối với chính phủ

- Cho khung chính sách ưu đãi cao hơn mức hiện nay

3.3.2. Kiến nghị đối với Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Hỗ trợ các chương trình xúc tiến đầu tư, liên kết với các tổ chức, giới thiệu đối tác nước ngoài. Có lớp tập huấn kỹ năng xúc tiến đầu tư cho lãnh đạo và cán bộ ban quản lý

3.3.3. Kiến nghị đối với lãnh đạo thành phố Đà Nẵng và Ban quản lý Khu công nghệ cao

a. Kiến nghị với lãnh đạo thành phố

- Đẩy nhanh công tác giải phóng mặt bằng, đền bù giải tỏa
- Đẩy nhanh công tác bố trí tái định cư

b. Kiến nghị với ban quản lý

- Thường xuyên cử cán bộ tham gia các lớp tập huấn cũng như tổ chức các lớp tập huấn, khóa đào tạo ngắn hạn cho lãnh đạo cũng như cán bộ ban quản lý.

KẾT LUẬN

Trong bối cảnh công nghệ cao hiện diện ở khắp mọi nơi, lan tỏa trực tiếp và gián tiếp tới mọi ngành trong nền kinh tế, thì đầu tư phát triển các ngành công nghệ cao là một hướng đi mà hầu hết các nước trên thế giới đều tuân theo để nhằm tạo ra một động lực thúc đẩy phát triển nền kinh tế trong nước, cũng như để tìm cho mình một chỗ đứng vững chắc trên thị trường thương mại quốc tế.

Việc thu hút các nguồn lực cho phát triển công nghệ nói chung và CNC nói riêng ở Đà Nẵng cần phải tránh những lối cũ (không nhất thiết là không phù hợp, nhưng khó chen chân để cạnh tranh). Việc tạo ra sự khác biệt, tìm những ngách của thị trường và sản phẩm, của hoạt động công nghệ là cách tiếp cận mà Đà Nẵng nên và hoàn toàn có thể theo đuổi. Thế mạnh riêng có này trước hết cần phải xuất phát từ chính đặc thù về kinh tế, địa lý, thiên nhiên, xã hội, và cả của văn hóa của Đà Nẵng.

Bản thân Đà Nẵng hiện nay đã và đang trở thành một cực phát triển của vùng miền Trung Việt Nam và Tây Nguyên về kinh tế với sự năng động của mình. Việc đảm bảo cho sự tăng trưởng kinh tế năng động này có được tính bền vững cả về thời gian và cả về yếu tố sinh thái là một việc làm khó hơn nhiều và nền tảng công nghệ, và sau đó là CNC sẽ có thể là lời giải lâu dài cho vấn đề này. Tiếp nữa, với những thế mạnh đặc biệt, Đà Nẵng có thể cân nhắc thu hút và phát triển “giai tầng sáng tạo”, tạo ra những sản phẩm của công nghiệp sáng tạo với giá trị gia tăng cao, mang tính khác biệt để biến Đà Nẵng thành một trong những thành phố phát triển năng động và có chất lượng trong khu vực ASEAN và châu Á - Thái Bình Dương.